CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể,[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

---

[1] Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch."

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam đang nắm giữ, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thuộc các loại hình: Tiếng nói, chữ viết; Ngữ văn dân gian; Nghệ thuật trình diễn dân gian; Tập quán xã hội và tín ngưỡng; Lễ hội truyền thống; Tri thức dân gian.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú

Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được nhận Huy hiệu, Giấy chứng nhận của Chủ tịch nước và tiền thưởng kèm theo danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" hoặc "Nghệ nhân ưu tú" theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

2. Đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp sinh hoạt hằng tháng theo quy định của Chính phủ;

3. Không ngừng hoàn thiện tri thức và kỹ năng;

4. Tích cực truyền dạy, phổ biến tri thức và kỹ năng;

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về di sản văn hóa.

Điều 4. Kinh phí tổ chức xét tặng và tiền thưởng

1. Kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" để thực hiện các hoạt động sau:

a) Xây dựng, triển khai Kế hoạch của Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng;

c) Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc hội nghề nghiệp;

d) Tổ chức các phiên họp Hội đồng;

đ) Công bố thông tin về kết quả xét chọn của Hội đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;

e) Họp báo công bố quyết định phong tặng của Chủ tịch nước;

g) Tổ chức lễ trao tặng;

h) Giải quyết kiến nghị;

i) Các hoạt động khác liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm về kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" và tiền thưởng kèm theo danh hiệu được quy định như sau:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm bố trí kinh phí cho hoạt động tổ chức xét tặng của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước, tổ chức lễ trao tặng và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm bố trí kinh phí cho hoạt động tổ chức xét tặng của Hội đồng cấp tỉnh, tiền thưởng kèm theo danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II
TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 5. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"

Danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" được xét tặng cho cá nhân đạt đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương;

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và quần chúng mến mộ, kính trọng; đào tạo được cá nhân đang tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

3. Có tài năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, có cống hiến to lớn, tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi cả nước, thể hiện ở việc nắm giữ kỹ năng, bí quyết thực hành di sản văn hóa phi vật thể, có thành tích, giải thưởng, sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật;

4. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên và đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú".

Điều 6. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"

Danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" được xét tặng cho cá nhân đạt đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

2. Có tài năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, có cống hiến to lớn, tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của địa phương, thể hiện ở việc nắm giữ kỹ năng, bí quyết thực hành di sản văn hóa phi vật thể, có thành tích, giải thưởng, sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật;

3. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên.

Chương III
HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 7. Nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc, thành phần của Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được thành lập theo 3 cấp:

a) Hội đồng cấp tỉnh;

b) Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

c) Hội đồng cấp Nhà nước.

2. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" có nhiệm vụ:

a) Tổ chức việc xét tặng bảo đảm chất lượng, thời gian và đúng quy định của pháp luật;

b) Xét chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này;

c) Công bố kết quả xét chọn trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;

d) Hoàn chỉnh hồ sơ xét tặng, trình hội đồng có thẩm quyền;

đ) Xem xét, giải quyết các kiến nghị liên quan tới việc xét tặng.

3. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" làm việc theo nguyên tắc:

a) Thành lập theo từng đợt xét tặng và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

b) Làm việc theo nguyên tắc dân chủ, công khai và theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Cuộc họp của Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được tổ chức khi có ít nhất 75% thành viên có tên trong quyết định thành lập Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. Tổ thư ký có trách nhiệm lấy ý kiến thành viên Hội đồng vắng mặt bằng Phiếu bầu (Mẫu số 5 và Mẫu số 6);

d) Hội đồng cấp Nhà nước chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng cấp tỉnh trình theo quy trình quy định tại các Điều 12, 13, 14 và 15 Nghị định này; không xét các hồ sơ không đúng quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

đ) Hội đồng cấp tỉnh chỉ trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ chỉ trình Hội đồng cấp Nhà nước, Hội đồng cấp Nhà nước chỉ trình Thủ tướng Chính phủ danh sách cá nhân đạt từ 90% số phiếu thành viên đồng ý trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng;

e) Thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" không là đối tượng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

g) Trong một kỳ xét tặng, thành viên Hội đồng cấp tỉnh không đồng thời là thành viên Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước.

4. Thành phần Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" gồm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thi đua khen thưởng cùng cấp; cơ quan, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; một số nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú và nhà khoa học có uy tín, am hiểu chuyên sâu về di sản văn hóa phi vật thể liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" quyết định thành lập Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng.

Điều 8. Hội đồng cấp tỉnh

1. Hội đồng cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có từ 09 đến 12 thành viên. Thành phần Hội đồng cấp tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hội đồng cấp tỉnh sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 9. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có từ 12 đến 15 thành viên. Thành phần Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ là Vụ Thi đua, Khen thưởng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ sử dụng con dấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 10. Hội đồng cấp Nhà nước

1. Hội đồng cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có từ 15 đến 20 thành viên. Thành phần Hội đồng cấp Nhà nước gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ; Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hội đồng cấp Nhà nước sử dụng con dấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương IV
HỒ SƠ, QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 11. Hồ sơ đề nghị xét tặng

1.[2] Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân bao gồm:

a) Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" (Mẫu số 1), "Nghệ nhân ưu tú" (Mẫu số 2);

b) Các tài liệu, băng, đĩa hình, ảnh mô tả, chứng minh tri thức, kỹ năng đang nắm giữ;

c) Giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, giải thưởng, bằng khen liên quan tới đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).

2. Hồ sơ của Hội đồng cấp tỉnh gửi Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh (Mẫu số 4);

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" (Mẫu số 7) kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng cấp tỉnh (Mẫu số 8); Phiếu bầu của thành viên Hội đồng (Mẫu số 5 và Mẫu số 6); Biên bản họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc hội nghề nghiệp (Mẫu số 3);

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b, Khoản 2 Điều này (Mẫu số 9);

đ) Quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh.

3. Hồ sơ của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ gửi Hội đồng cấp Nhà nước bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ (Mẫu số 4);

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân'', "Nghệ nhân ưu tú" (Mẫu số 7) kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ (Mẫu số 8); Phiếu bầu của thành viên Hội đồng (Mẫu số 5 và Mẫu số 6);

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b, Khoản 3 Điều này (Mẫu số 9);

đ) Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

4. Hồ sơ của Hội đồng cấp Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước (Mẫu số 4);

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" (Mẫu số 7) kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng cấp Nhà nước (Mẫu số 8); Phiếu bầu của thành viên Hội đồng (Mẫu số 5 và Mẫu số 6);

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b, Khoản 4 Điều này (Mẫu số 9);

đ) Quyết định thành lập Hội đồng cấp Nhà nước.

Điều 12. Nộp và tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng

1.[3] Cá nhân đề nghị xét tặng tự mình hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho cá nhân, tổ chức khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang cư trú.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng bao gồm các giấy tờ, tài liệu quy định tại Khoản 1, Điều 11 Nghị định này và được gửi đến cơ quan tiếp nhận quy định tại Khoản 1 Điều này theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu trong hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân lập hồ sơ hoặc cá nhân, tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

Điều 13. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng cấp tỉnh

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

b) Tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc hội nghề nghiệp nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang hoạt động để đưa vào hồ sơ đề nghị xét tặng (Mẫu số 3);

c) Thông báo danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải danh sách, bản khai thành tích của các cá nhân đề nghị xét tặng trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng cấp tỉnh và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn như sau:

a) Thẩm định về thành phần và tính chính xác, hợp lệ của các tài liệu có trong hồ sơ; sự đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này;

b) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

c) Thông báo công khai kết quả xét chọn trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, thành phố Trực thuộc Trung ương trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh cùng với 05 (năm) bộ hồ sơ quy định tại Khoản 2, Điều 11 Nghị định này đến Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

đ) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị.

Điều 14. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ có nhiệm vụ phối hợp với Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

b) Tiếp nhận, kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ do Hội đồng cấp tỉnh gửi; trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ cần hướng dẫn để Hội đồng cấp tỉnh hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa;

c) Đăng tải danh sách cá nhân được Hội đồng cấp tỉnh đề nghị xét tặng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn như sau:

a) Thẩm định về thành phần và tính chính xác, hợp lệ của các tài liệu có trong hồ sơ; sự đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này;

b) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trình Hội đồng cấp Nhà nước;

c) Đăng tải kết quả xét chọn trên cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Chủ tịch Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ cùng với 04 (bốn) bộ hồ sơ quy định tại Khoản 3, Điều 11 Nghị định này đến Hội đồng cấp Nhà nước theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

đ) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng cấp tỉnh đã gửi hồ sơ.

Điều 15. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng cấp Nhà nước

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng cấp Nhà nước;

b) Tiếp nhận, kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ do Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ gửi; trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu, có trong hồ sơ cần hướng dẫn để Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa;

c) Đăng tải danh sách cá nhân được Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ đề nghị xét tặng trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và phương tiện thông tin đại chúng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng cấp Nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ và xét chọn như sau:

a) Thẩm định về thành phần và tính chính xác, hợp lệ của các tài liệu có trong hồ sơ; sự đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này;

b) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu, kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

c) Đăng tải kết quả xét chọn trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và phương tiện thông tin đại chúng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Hoàn chỉnh hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

đ) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước cùng với 03 (ba) bộ hồ sơ quy định tại Khoản 4, Điều 11 Nghị định này đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

e) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

Điều 16. Công bố Quyết định phong tặng và trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" của Chủ tịch nước

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Lễ công bố Quyết định phong tặng và trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" của Chủ tịch nước.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 8 năm 2014.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành[4]

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chính phủ quy định chế độ trợ cấp sinh hoạt hằng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 606/VBHN-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2019
BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

[4] Điều 8 của Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 8. Trách nhiệm thi hành***

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ)

Mẫu số 1

Ảnh CMTND *Cỡ 4cm x 6cm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN"

(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (khai sinh):..... Nam, Nữ:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Dân tộc:.....
5. Nguyên quán:.....
.....
6. Hộ khẩu thường trú:.....
.....
7. Tên di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ:.....
8. Năm bắt đầu thực hành di sản văn hóa phi vật thể.....
9. Năm được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú":.....
10. Điện thoại nhà riêng:..... Di động:.....
11. Địa chỉ liên hệ:.....
.....
12. Người liên hệ khi cần:.....
.....
..... Điện thoại:.....
13. Số lượng học trò đã truyền dạy được:.....
14. Học trò tiêu biểu:

Họ và tên:.....
Ngày tháng năm sinh:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại nhà riêng:..... Di động:.....

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ THAM GIA THỰC HÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ:

(Kê khai về quá trình học tập và tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể (được ai truyền dạy, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có)); đã thực hành di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ như thế nào,...).

.....

.....
.....
.....
.....

III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả tri thức và kỹ năng đang nắm giữ:.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay

.....
.....
.....
.....
.....

V. KỶ LUẬT

.....
.....
.....

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và di sản văn hóa sau khi được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"./.

....., ngày..... tháng..... năm....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*
Xác nhận(1)	**Người khai**
TM. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú	*(Ký ghi rõ họ tên)*
Chủ tịch	
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	

....., ngày..... tháng..... năm....
Xác nhận của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch(2)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

(1) Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú

(2) Sau khi có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư địa phương nơi người đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc Hội nghề nghiệp

Mẫu số 2

Ảnh CMTND *Cỡ 4cm x 6cm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (khai sinh):..... Nam, Nữ:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Dân tộc:.....
5. Nguyên quán:.....
.....
6. Hộ khẩu thường trú:.....
.....
7. Tên di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ:.....
.....
8. Năm bắt đầu thực hành di sản văn hóa phi vật thể.....
9. Điện thoại nhà riêng:..... Di động:.....
10. Địa chỉ liên hệ:.....
.....
11. Người liên hệ khi cần:.....
.....
..... Điện thoại:.....
12. Số lượng học trò đã truyền dạy được:.....
14. Học trò tiêu biểu:

Họ và tên:.....
Ngày tháng năm sinh:.....
Địa chỉ:.....
.....
Điện thoại nhà riêng:..... Di động:.....

II. QUÁ TRÌNH HỌC NGHỀ VÀ THAM GIA THỰC HÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ:

(Kê khai về quá trình học tập và tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể (được ai truyền dạy, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có)); đã thực hành di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ như thế nào,...).

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả tri thức và kỹ năng đang nắm giữ:.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay

.....
.....
.....
.....
.....

V. KỶ LUẬT

.....
.....
.....
.....

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và di sản văn hóa sau khi được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"./.

....., ngày..... tháng..... năm....
Xác nhận(1)
Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai
(Ký ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....
Xác nhận của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch(2)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

(1) Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú

(2) Sau khi có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư địa phương nơi người đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc Hội nghề nghiệp

Mẫu số 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LẤY Ý KIẾN
CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ Ở CƠ SỞ HOẶC HỘI NGHỀ NGHIỆP*

Hôm nay, vào hồi.... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

.....

Chúng tôi gồm:

1. Nguyễn Văn A, chức vụ:..... là đại diện cho.....

2. Nguyễn Văn B, chức vụ:..... là đại diện cho.....

3. .....

tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của..... (ghi rõ tên cộng đồng hoặc hội nghề nghiệp) về việc đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" của:

Ông/bà:..... tuổi.....

Cư trú tại:.....

Tổng số người tham dự cuộc họp:..... người.

Chủ tọa cuộc họp:.....

Thư ký cuộc họp:.....

NỘI DUNG LÀM VIỆC

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, các đại biểu tham dự cuộc họp đã cùng nhau thảo luận, đánh giá về mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn của (các) ông/bà có tên dưới đây để đề nghị Hội đồng cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"/"Nghệ nhân ưu tú". Các ý kiến nhận xét cơ bản như sau:

(ghi tóm tắt những ý kiến cơ bản của các đại biểu tham dự đối với từng cá nhân đề nghị được xét tặng danh hiệu).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

---

* Trong trường hợp cuộc họp lấy ý kiến về nhiều cá nhân thì ghi tên các cá nhân theo thứ tự vần a, b, c và ghi nhận xét của các đại biểu dự họp cũng như kết luận của cuộc họp cho từng trường hợp một

Kết luận: Các đại biểu dự họp đã thống nhất ý đề nghị (đánh dấu X vào cột thích hợp):

1. Danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"

TT	Họ tên	Đồng ý đề nghị xét tặng	
		Số người đồng ý	Tỷ lệ %

2. Danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"

TT	Họ tên	Đồng ý đề nghị xét tặng	
		Số người đồng ý	Tỷ lệ %

Cuộc họp kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng.... năm.....

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỌA CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 4

.....[1] **HỘI ĐỒNG.....[2]** **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày... tháng... năm.....*

TỜ TRÌNH

Đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

Kính gửi: Hội đồng.....[3] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

Căn cứ Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

Hội đồng.....[4] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" đã họp vào ngày..... tháng..... năm..... để xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" cho..... nghệ nhân.

Số nghệ nhân đủ điều kiện để đề nghị Hội đồng.....[5] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" gồm người, trong đó,.... người được đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" và..... được đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" (Danh sách kèm theo).

Hội đồng.....[6] trân trọng đề nghị./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.

(2, 4, 6): Tên Hội đồng đề nghị.

(3, 5): Tên Hội đồng được đề nghị.

Mẫu số 5

.....[1]
HỘI ĐỒNG.....[2]
XÉT TẶNG DANH HIỆU
"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",
"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

PHIẾU BẦU
VỀ VIỆC XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN"
(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô thích hợp)

Stt	Họ và tên nghệ nhân được đề cử	Loại hình di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ	Ý kiến của thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu	
			Đồng ý	Không đồng ý

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.

(2) Tên Hội đồng.

Mẫu số 6

.....[1] **HỘI ĐỒNG**.....[2] **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

....., ngày... tháng... năm.....

PHIẾU BẦU

VỀ VIỆC XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô thích hợp).

Stt	Họ và tên nghệ nhân được đề cử	Loại hình di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ	Ý kiến của thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu	
			Đồng ý	Không đồng ý

Thành viên Hội đồng

(Ký, ghi rõ họ tên)

---

(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.

(2) Tên Hội đồng.

Mẫu số 7

.....[1] **HỘI ĐỒNG**.....[2] **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

....., ngày... tháng... năm.....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

1. Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Loại hình di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %

2. Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Loại hình di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.

(2) Tên Hội đồng.

Mẫu số 8

.....[1] **HỘI ĐỒNG**.....[2] **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** *....., ngày... tháng... năm.....*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Hội đồng.....[1] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được thành lập theo Quyết định số...../..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào.... giờ..... ngày.... tháng.... năm..... để xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định:..... người

Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:..... người, gồm:

1.....

2.....

.....

Số thành viên Hội đồng không dự họp:..... người, gồm:

1.....

2.....

.....

(Nêu lý do vắng mặt)

- Khách mời tham dự họp Hội đồng: ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác (nếu có).

1.....

2.....

.....

- Chủ trì:.....

- Thư ký Hội đồng:.....

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đã nghe cơ quan thường trực của Hội đồng báo cáo về hồ sơ của các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" bao gồm:

Số lượng người đề nghị xét tặng:..... người.

Trong đó, số lượng người đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" là:..... người, danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" là:..... người.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận, đánh giá về thành tích và tiêu chuẩn của từng trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

..... *(ghi tóm tắt cơ bản các ý kiến của thành viên Hội đồng)*.....

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu kín, Ban kiểm phiếu làm việc theo đúng quy định (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

- Các trường hợp đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Loại hình di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %

- Các trường hợp không đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Loại hình di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ	Số phiếu không đồng ý	Tỷ lệ %

- Các trường hợp đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú", gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Loại hình di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %

- Các trường hợp không đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Loại hình di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ	Số phiếu không đồng ý	Tỷ lệ %

Cuộc họp kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng.... năm.....

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu)

---

(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2) Tên Hội đồng.

Mẫu số 9

.....[1] **HỘI ĐỒNG**.....[2] **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *....., ngày... tháng... năm.....*

TÓM TẮT THÀNH TÍCH CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC XÉT TẶNG DANH HIỆU
"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"[3]

1. Họ và tên (thông tin về cá nhân):

.....

2. Tên di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ:.....

3. Thời gian thực hành (Từ năm nào đến năm nào? Tổng cộng bao nhiêu năm?):

.....

4. Tri thức, kỹ năng, kỹ thuật:

.....

.....

.....

.....

5. Thành tích thực hành di sản văn hóa phi vật thể:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Đề nghị xét tặng danh hiệu: "Nghệ nhân nhân dân"/"Nghệ nhân ưu tú"

7. Phiếu bầu (%) đồng ý đề nghị xét tặng:

Hội đồng cấp tỉnh:..... %

Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ:..... %

Hội đồng cấp Nhà nước:..... %

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu)

---

(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2) Tên Hội đồng.
(3) Độ dài không quá 01 trang A4.